

Số: 171/19/BHHC-TCHC

V/v: Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát
xét năm 2019 .

Bắc Hà, ngày 13 tháng 08 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ**
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0214 6294668
Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Văn Thập**
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0983078545

Loại công bố thông tin:

<input type="checkbox"/>	24 giờ
<input type="checkbox"/>	72 giờ
<input type="checkbox"/>	Bất thường
<input type="checkbox"/>	Theo yêu cầu
<input checked="" type="checkbox"/>	Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà ngày 13/08/2019 tại đường dẫn: <http://www.thuydienbachalaocai.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC.

TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Thập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thập	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
Bà Lê Thị Quỳnh Chi	Ủy viên
Ông Phan Thanh Hải	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thập	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Số: 0214 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2019, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đã nhận được Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Tổ kiểm toán Tổng hợp thu ngân sách thuộc Đoàn kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2017 tại tỉnh Lào Cai về việc Kiểm tra, đối chiếu tình hình thực hiện pháp luật thuế về thuế (Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp). Theo kiến nghị tại Biên bản này, Công ty cần phải điều chỉnh tăng 56.328.738.103 VND tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 do điều chỉnh giảm chi phí khấu hao tài sản phần trích vượt mức quy định và lỗ được chuyển đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty là 47.291.047.480 VND. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan về vấn đề kiến nghị nêu trên để xác định rõ chi tiết số liệu cần điều chỉnh vào báo cáo tài chính giữa niên độ. Nếu chúng tôi có thể hoàn thành công việc soát xét khoản mục có liên quan như khi không xảy ra sự kiện này, chúng tôi có thể đã nhận thấy các vấn đề có thể cần phải điều chỉnh báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đang phản ánh khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 với số tiền khoảng 11 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 13,4 tỷ VND). Tuy nhiên, Công ty chưa hạch toán các khoản lãi có thể phát sinh do Công ty chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 vì hai bên chưa thống nhất được số liệu. Nếu chúng tôi có thể hoàn thành công việc soát xét khoản mục liên quan trên như khi không xảy ra sự kiện này, chúng tôi có thể đã nhận thấy các vấn đề có thể cần phải điều chỉnh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 136,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 khoảng 76,8 tỷ VND). Dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.785.274.367	82.828.888.164
I. Tiền	110	4	4.524.256.299	49.685.878.257
1. Tiền	111		4.524.256.299	49.685.878.257
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.261.018.068	32.871.030.515
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	34.329.976.198	16.752.231.982
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	5.805.045.637	5.308.584.637
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	14.125.996.233	10.810.213.896
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	271.979.392
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	-	271.979.392
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.930.928.849.273	1.978.548.036.297
I. Tài sản cố định	220		1.929.164.735.320	1.976.722.741.004
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.929.164.735.320	1.976.722.741.004
- Nguyên giá	222		2.599.627.955.465	2.597.199.491.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(670.463.220.145)	(620.476.750.925)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.764.113.953	1.825.295.293
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.764.113.953	1.825.295.293
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.989.714.123.640	2.061.376.924.461

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

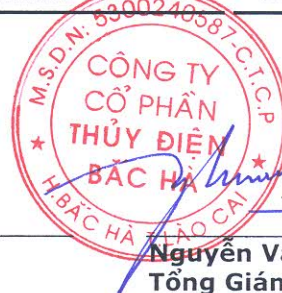
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.372.471.493.282	1.391.034.011.700
I. Nợ ngắn hạn	310		195.223.575.375	159.697.020.880
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	15.420.760.351	22.043.406.621
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	8.132.413.827	11.141.085.296
3. Phải trả người lao động	314		1.106.939.197	1.034.636.760
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	55.465.847.891	10.601.296.643
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	6.893.614.109	7.872.595.560
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	108.004.000.000	107.004.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		200.000.000	-
II. Nợ dài hạn	330		1.177.247.917.907	1.231.336.990.820
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	11	54.120.000.000	54.120.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	1.123.127.917.907	1.177.216.990.820
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		617.242.630.358	670.342.912.761
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	617.242.630.358	670.342.912.761
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000	660.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		200.000.000	-
3. (Lỗ) lũy kế/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(42.957.369.642)	10.342.912.761
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.342.912.761	(32.821.584.931)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(53.300.282.403)	43.164.497.692
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.989.714.123.640	2.061.376.924.461



Tổng Văn Long
Người lập biểu



Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng	01	16	72.565.848.106	81.949.718.017
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		72.565.848.106	81.949.718.017
3. Giá vốn hàng bán	11	17	58.704.922.994	56.645.640.776
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		13.860.925.112	25.304.077.241
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		223.809.063	507.699.096
6. Chi phí tài chính	22	19	62.254.955.477	63.728.956.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.229.771.662	63.471.043.230
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	4.757.459.963	5.301.736.090
8. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(52.927.681.265)	(43.218.916.101)
9. Thu nhập khác	31		27.398.862	19.721.545
10. Chi phí khác	32		-	4.640.227.176
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		27.398.862	(4.620.505.631)
12. (Lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(52.900.282.403)	(47.839.421.732)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	-
14. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(52.900.282.403)	(47.839.421.732)
15. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	22	(802)	(726)



Tống Văn Long
Người lập biểu



Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	
		Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(52.900.282.403)	(47.839.421.732)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	49.986.469.220	49.844.390.607
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(223.809.063)	(9.819.363)
- Chi phí lãi vay	06	62.229.771.662	63.471.043.230
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.092.149.416	65.466.192.742
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(20.991.547.161)	(5.056.447.882)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.918.757.610)	9.019.649.952
- Thay đổi chi phí trả trước	12	61.181.340	117.805.687
- Tiền lãi vay đã trả	13	(16.918.448.209)	(17.463.364.794)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.324.577.776	52.083.835.705
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.620.935.884)	(117.055.381.692)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	223.809.063	9.819.363
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.397.126.821)	(117.045.562.329)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	-	10.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.912.927.087	99.587.072.913
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.002.000.000)	(45.335.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(53.089.072.913)	64.252.072.913
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(45.161.621.958)	(709.653.711)
Tiền đầu kỳ	60	49.685.878.257	1.499.653.678
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	4.524.256.299	789.999.967


Tông Văn Long
Người lập biểu


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300240587 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Licogi – Công ty Cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký và giao dịch trên sàn UPCOM với mã BHA từ ngày 02 tháng 8 năm 2017.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 83 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 83).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình công ích: Chi tiết: Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, xây dựng công trình cấp thoát nước; đầu tư kinh doanh các công trình thủy điện nhỏ và vừa;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp, sản xuất kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất truyền tải điện và phân phối điện;
- Tiếp nhận vận tải, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng;
- Khai thác, lọc nước, phục vụ sinh hoạt, công nghiệp và các mục đích khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch;
- Đầu tư tài chính vào các ngành nghề thuộc lĩnh vực mà Công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Bắc Hà.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 136,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 76,8 tỷ VND), lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 khoảng 43 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: lãi khoảng 10,3 VND). Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá và đưa ra kế hoạch trong vòng 12 tháng tới như sau: tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ; tiếp tục thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty lãi khoảng 39,7 tỷ VND.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này</u> <u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 45
Máy móc, thiết bị	12 - 15
Phương tiện vận tải	12 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện quốc gia.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty trong thời gian không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 43 tỷ VND, có thể kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của các năm tiếp theo. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	65.297.086	175.863.908
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.458.959.213	49.510.014.349
	4.524.256.299	49.685.878.257

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	34.329.976.198	16.752.231.982
	34.329.976.198	16.752.231.982

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty Cổ phần LICOGI số 1	4.722.481.240	4.596.020.240
Các khoản khác	1.082.564.397	712.564.397
	5.805.045.637	5.308.584.637
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	4.722.481.240	4.596.020.240

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tạm ứng	2.852.221.054	2.794.021.422
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.246.626.405	7.989.043.700
Phải thu khác	27.148.774	27.148.774
	14.125.996.233	10.810.213.896
Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	949.286.635	999.286.635

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Công VND
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	1.673.204.974.842	817.433.375.182	106.561.141.905	2.597.199.491.929
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.428.463.536	-	-	2.428.463.536
Số dư cuối kỳ	<u>1.675.633.438.378</u>	<u>817.433.375.182</u>	<u>106.561.141.905</u>	<u>2.599.627.955.465</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	222.497.762.494	343.810.007.116	54.168.981.315	620.476.750.925
Khấu hao trong kỳ	18.923.539.499	25.844.129.737	5.218.799.984	49.986.469.220
Số dư cuối kỳ	<u>241.421.301.993</u>	<u>369.654.136.853</u>	<u>59.387.781.299</u>	<u>670.463.220.145</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	<u>1.450.707.212.348</u>	<u>473.623.368.066</u>	<u>52.392.160.590</u>	<u>1.976.722.741.004</u>
Số dư cuối kỳ	<u>1.434.212.136.385</u>	<u>447.779.238.329</u>	<u>47.173.360.606</u>	<u>1.929.164.735.320</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 2.347.979.407 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.172.524.862 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 1.929.164.735.320 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.976.722.741.004 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, Công ty đã nhận được Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế của Tổ kiểm toán Tổng hợp thu ngân sách thuộc Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 tại tỉnh Lào Cai về việc Kiểm tra, đối chiếu tình hình thực hiện pháp luật thuế về thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp). Theo kiến nghị tại Biên bản nêu trên, Công ty cần phải điều chỉnh tăng 56.328.738.103 VND tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 do điều chỉnh giảm chi phí khấu hao tài sản phần trích vượt mức quy định. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan về vấn đề kiến nghị nêu trên để xác định rõ chi tiết số liệu cần điều chỉnh vào báo cáo tài chính. Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này. Công ty sẽ điều chỉnh số liệu kế toán khi có kết quả làm việc cuối cùng với các cơ quan có thẩm quyền.

587-C
 TY
 N
 N
 C
 112
 Đ
 NHIỆM
 L
 T
 A

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 (i)	11.076.680.203	11.076.680.203	13.476.680.203	13.476.680.203
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	819.248.529	819.248.529	4.532.175.616	4.532.175.616
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước LICOGI	19.605.439	19.605.439	19.605.439	19.605.439
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Đông Anh	-	-	270.111.250	270.111.250
Các đối tượng khác	3.505.226.180	3.505.226.180	3.744.834.113	3.744.834.113
	15.420.760.351	15.420.760.351	22.043.406.621	22.043.406.621
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	838.853.968		4.821.892.305	

(i) Công ty đang phản ánh khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 với số tiền khoảng 11 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 13,4 tỷ VND). Công ty chưa hạch toán các khoản lãi có thể phát sinh do Công ty chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 vì hai bên chưa thống nhất được số liệu.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp/ (được bù trừ) trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	271.979.392	(271.979.392)	-	-
b) Khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	3.745.230.113	7.700.126.802	9.590.508.404	1.854.848.511
Thuế thu nhập cá nhân	71.484.006	(40.916.477)	-	30.567.529
Thuế tài nguyên	1.345.119.944	6.828.989.268	6.425.439.190	1.748.670.022
Thuế bảo vệ môi trường	5.979.251.233	4.245.462.532	5.726.386.000	4.498.327.765
	11.141.085.296	18.733.662.125	21.742.333.594	8.132.413.827

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a. Ngắn hạn	55.465.847.891	10.601.296.643
Lãi vay phải trả	55.465.847.891	10.154.524.438
Chi phí phải trả khác	-	446.772.205
b. Dài hạn	54.120.000.000	54.120.000.000
Lãi vay phải trả ân hạn (i)	54.120.000.000	54.120.000.000
	109.585.847.891	64.721.296.643

- (i) Khoản lãi vay ân hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long với số tiền là 54.120.000.000 VND có thời hạn thanh toán vào tháng 12 năm 2020, khoản lãi vay ân hạn này không bị tính lãi.

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra tiền điện (i)	2.320.876.163	1.696.382.971
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.498.327.765	6.081.063.000
Các khoản phải trả khác	74.410.181	95.149.589
	6.893.614.109	7.872.595.560

- (i) Số cuối kỳ thể hiện thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện chưa phát hành hóa đơn tháng 6 năm 2019 (Số đầu kỳ của tháng 12 năm 2018).

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Biến động trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	107.004.000.000	107.004.000.000	59.002.000.000	58.002.000.000	108.004.000.000	108.004.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	75.000.000.000	75.000.000.000	43.000.000.000	42.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	32.004.000.000	32.004.000.000	16.002.000.000	16.002.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000
	107.004.000.000	107.004.000.000	59.002.000.000	58.002.000.000	108.004.000.000	108.004.000.000

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ		Biến động trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i)	905.153.285.955	905.153.285.955	4.912.927.087	42.000.000.000	868.066.213.042	868.066.213.042
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (ii)	379.067.704.865	379.067.704.865	-	16.002.000.000	363.065.704.865	363.065.704.865
	1.284.220.990.820	1.284.220.990.820	4.912.927.087	58.002.000.000	1.231.131.917.907	1.231.131.917.907

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
(chi tiết xem Thuyết minh số 13)

107.004.000.000

108.004.000.000

- Số phải trả sau 12 tháng

1.177.216.990.820

1.123.127.917.907

- (i) Ngày 30 tháng 10 năm 2006, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-BH/2006 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với số tiền vay là 844 tỷ VND. Mục đích khoản vay để thanh toán chi phí Dự án được tài trợ. Thời hạn vay là 162 tháng kể từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ. Thời hạn ân hạn là 42 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mức lãi suất áp dụng cho số dư nợ gốc của các khoản vay trong mỗi kỳ hạn tính lãi là tỷ lệ phần trăm theo năm bằng tổng của lãi suất huy động tiết kiệm bình quân và lãi suất biên là 3,6%/năm. Ngày 29 tháng 12 năm 2012, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 07/PLTD-BH/2012 về việc tăng hạn mức tín dụng và cơ cấu nợ vay, hạn mức tín dụng mới là 1.009.000.000.000 VND. Ngày 30 tháng 5 năm 2013, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 08/PLTD-BH/2013 về việc cơ cấu nợ, gia hạn và điều chỉnh lại số tiền và thời gian trả nợ gốc, lãi. Ngày 30 tháng 3 năm 2015, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 09/PLHD-BH/2015 về việc điều chỉnh lại kỳ hạn tính lãi, cơ cấu điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi. Ngày 12 tháng 12 năm 2017, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10/PLHD-BH/2017 về tăng hạn mức tín dụng và điều chỉnh lịch trả nợ, hạn mức tín dụng mới là 1.129.000.000.000 VND.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai theo hai hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 05/2006/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2006 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng; Hợp đồng sửa đổi số 01/2008/HĐSD ngày 09 tháng 7 năm 2008 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng và Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà; Hợp đồng sửa đổi số 02/2010/HĐSD ngày 23 tháng 11 năm 2010; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2012/HĐSD ngày 29 tháng 6 năm 2012. Các Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04/2012/HĐSDDBS ngày 03 tháng 7 năm 2012, số 05/2013/HĐSDDBS ngày 06 tháng 3 năm 2013 và số 06/2013/HĐTĐĐT-NHPT ngày 03 tháng 12 năm 2013. Hạn mức tín dụng của Hợp đồng là 156 tỷ VND, cho mục đích đầu tư các hạng mục dự án: phục vụ di dân giải phóng mặt bằng; mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận nước, đường ống áp lực, cần trục gian máy, cửa dẫn nước ra, tuốc bin phát máy (nếu có) theo đúng nội dung Dự án đầu tư được phép phê duyệt. Thời hạn cho vay là 168 tháng (14 năm) kể từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ (ngày 31 tháng 10 năm 2007). Thời hạn ân hạn 49 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc 119 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 11 năm 2011. Lãi suất nợ trong hạn là 7,8%/năm tính trên dư nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) là 11,7%/năm.

- Ngày 13 tháng 6 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng vay số 02/2009 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tín dụng là 315 tỷ VND cho mục đích đầu tư các hạng mục Dự án Công trình Nhà máy Thủy điện Bắc Hà; thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu theo kế ước nhận nợ, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất nợ trong hạn được áp dụng cho từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Công ty tiếp tục ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2009/HĐSD ngày 10 tháng 9 năm 2009 thay đổi về điều khoản giải ngân của Hợp đồng số 02/2009. Ngày 31 tháng 8 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng đầu tư bổ sung số 01/2011/HĐTD ĐTBS-NHPT với các điều khoản vẫn giữ nguyên theo Hợp đồng vay số 02/2009.

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	108.004.000.000	107.004.000.000
Trong năm thứ hai	123.004.000.000	117.004.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	342.012.000.000	391.012.000.000
Sau năm năm	658.111.917.907	669.200.990.820
	1.231.131.917.907	1.284.220.990.820
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	108.004.000.000	107.004.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	1.123.127.917.907	1.177.216.990.820

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	(Lỗ) lũy kế VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	650.000.000.000	-	(32.821.584.931)	617.178.415.069
Tăng vốn trong năm	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	43.164.497.692	43.164.497.692
Số dư đầu kỳ này	660.000.000.000	-	10.342.912.761	670.342.912.761
(Lỗ) trong kỳ	-	-	(52.900.282.403)	(52.900.282.403)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	200.000.000	(200.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Số dư cuối kỳ này	660.000.000.000	200.000.000	(42.957.369.642)	617.242.630.358

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ bảy ngày 07 tháng 3 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 660.000.0000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh		Vốn đã góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	
	VND	%	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	291.130.830.000	44,11%	291.130.830.000	291.130.830.000
Công ty Cổ phần Hưng Doanh Việt	166.000.000.000	25,15%	-	166.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	60.953.620.000	9,24%	60.953.620.000	60.953.620.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	58.500.000.000	8,86%	159.666.000.000	58.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Mặt trời Mới	47.757.620.000	7,24%	4.491.620.000	47.757.620.000
Các cổ đông khác	35.657.930.000	5,40%	143.757.930.000	35.657.930.000
	660.000.000.000	100%	660.000.000.000	660.000.000.000

Cổ phiếu

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

16. DOANH THU BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu điện phát lưới	72.565.848.106	81.949.718.017
	72.565.848.106	81.949.718.017

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn phát điện	58.704.922.994	56.645.640.776
	58.704.922.994	56.645.640.776

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	9.223.250.360	9.176.008.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.986.469.220	49.844.390.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	466.678.982	203.458.673
Chi phí khác bằng tiền	3.785.984.395	2.723.519.560
	63.462.382.957	61.947.376.866

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	62.229.771.662	63.471.043.230
Khác	25.183.815	257.913.118
	62.254.955.477	63.728.956.348

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.681.714.318	3.677.499.974
Chi phí bằng tiền khác	1.075.745.645	1.624.236.116
	4.757.459.963	5.301.736.090

00112
CÔNG
H NHIỆT
ELO
IẾT
ĐA -

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
(Lỗ) trước thuế	(52.900.282.403)	(47.839.421.732)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ thu nhập không chịu thuế	-	-
Chuyển (lỗ)	(52.900.282.403)	(47.839.421.732)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

22. (LỖ) CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
(Lỗ) trong kỳ (VND)	(52.900.282.403)	(47.839.421.732)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(100.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(52.900.282.403)	(47.939.421.732)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	66.000.000	66.000.000
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(802)	(726)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2019. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong 6 tháng đầu năm 2019 sẽ giảm một khoản tương ứng.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2019, Công ty thực hiện trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018 với số tiền là 200.000.000 VND. Do vậy, lỗ cơ bản trên cổ phiếu của kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được xác định lại là (726) VND/cổ phiếu (số trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 là (735) VND/cổ phiếu).

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 09 tháng 9 năm 2008 ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Công ty thuê diện tích 8.568.177 m² đất tại các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai để xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà. Tiền thuê đất sẽ được thanh toán hàng năm theo đơn giá của cơ quan thuế, thời gian thuê theo Hợp đồng là từ ngày 13 tháng 9 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Căn cứ vào Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được miễn tiền thuê đất từ tháng 9 năm 2007 đến hết tháng 8 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 VND.



24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty LICOGI - CTCP ("Licogi")	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần LICOGI 1	Cùng Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Cùng Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước Licogi	Cùng Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Đông Anh	Cùng Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Cùng Cổ đông lớn
Ông Lương Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc Công ty

Trong kỳ, Công ty không có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan.

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Trả trước cho người bán	4.722.481.240	4.596.020.240
Công ty Cổ phần LICOGI 1	4.722.481.240	4.596.020.240
Phải thu khác	949.286.635	999.286.635
Ông Lương Quốc Hưng	949.286.635	999.286.635
Phải trả người bán	838.853.968	4.821.892.305
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Đông Anh	-	270.111.250
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	819.248.529	4.532.175.616
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước Licogi	19.605.439	19.605.439

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	509.616.388	489.358.187

25. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ đã bao gồm số tiền 7.066.011.348 VND, là số tiền trả cho người bán dư đầu kỳ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


TỔNG VĂN LONG
Người lập biểu


TẠ HỒNG DIỆU
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN THẬP
Tổng Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2019